

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG  
TRUNG TÂM Y TẾ TP. HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/YCBG-TTYT

Hà Tiên, ngày 10 tháng 01 năm 2024

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Thực hiện Thông tư số 14/2023/TT-BYT, ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu hóa chất xét nghiệm, trang thiết bị y tế dùng trong xét nghiệm trong khi chờ kết quả đấu thầu tập trung của tỉnh giai đoạn năm 2023-2024 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Thanh Hiệp, trưởng khoa Dược - trang thiết bị - vật tư y tế. Điện thoại: 02973.966.122. Email: [buithanhhiepbvhtkg@gmail.com](mailto:buithanhhiepbvhtkg@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

01 Bản cứng có ký tên và đóng dấu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

01 bản file Excel gửi qua email: [buithanhhiepbvhtkg@gmail.com](mailto:buithanhhiepbvhtkg@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 ngày 10 tháng 01 năm 2024 đến trước 17 giờ 00 ngày 20 tháng 01 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2024.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm, trang thiết bị y tế dùng cho xét nghiệm:

Stt	Tên hóa chất	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn Vị Tính
I	<b>Hóa chất xét nghiệm tương thích với Máy sinh hoá Monarch 240</b>			
1	Creatinin	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	300
2	Urea	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	200
3	Amylase	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	180
II	<b>Hoá chất thông thường</b>			
4	Tube EDTA	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	100tube/hộp	2.400
5	Tube Heparin	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	100tube/hộp	2.400
6	Tube Citrat	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	100tube/hộp	100
7	Quick Test Syphilis	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	test	50
	<b>TỔNG CỘNG :07 KHOẢN</b>			

(Chi tiết tại **Phụ lục I** đính kèm yêu cầu báo giá này)

2. Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày, theo từng đợt, trong vòng 24 tháng.

4. Giá báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.


5. Mẫu báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp theo **phụ lục II** đính kèm yêu cầu báo giá này.

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên rất mong nhận được sự quan tâm và Bảng báo giá của quý công ty/đơn vị. /s/

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BGD, CNTT (đăng tải), KD, TCKT;
- Lưu Văn thư.

**GIÁM ĐỐC**



Trương Thị Kim Nga

**phụ lục 1**

STT	Tên hóa chất	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
<b>I. Hóa chất tương thích với Máy sinh hoá Monarch 240</b>					
1	Creatinin	<p>Định lượng nồng độ CREATININE trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về thận như viêm thận cấp mãn tính và các rối loạn thận và bệnh hư thận.</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1: Sodium Hydroxide: = &lt; 240 mmol/l.</p> <p>R2: Picric Acid: = &lt; 26 mmol/l</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): = &lt; 0.08 - &gt; = 18 mg/dl</p> <p>Định lượng nồng độ UREA trong huyết thanh huyết tương giúp cho quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh về thận, tắc nghẽn ống nước tiểu, hư thận cấp tính và mãn tính</p> <p>R1: Tris Buffer: = &lt; 100 mmol/l</p> <p><math>\alpha</math>-Ketoglutarate: = &lt; 5.49 mmol/l</p> <p>Urease (Jack Bean) <math>\geq</math> 10 KU/l</p> <p>GLDH (Microorganism): <math>\geq</math> 3.8 KU/l</p> <p>R2: NADH: = &lt; 1.66 mmol/l.</p> <p>- Measuring range (phạm vi đo): = &lt; 11.5 - &gt; = 300 mg/dl.</p>	ISO, CE	ML	300
2	Urea	<p>"Định lượng nồng độ ALPHA AMYLASE trong huyết thanh, huyết tương để chẩn đoán bệnh viêm tụy cấp trong cận lâm sàng</p> <p>Thành phần:</p> <p>MES buffer : = &lt; 50 mmol/l</p> <p>Calcium Chloride = &lt; 3.81 mmol/l</p> <p>Sodium Chloride: = &lt; 300 mmol/l</p> <p>Potassium Thiocyanate: = &lt; 450 mmol/l</p> <p>Sodium Azide: = &lt; 13.85 mmol/l</p> <p>CNPG: = &lt; 0.91 mmol/l.</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): = &lt; 10.8 đến &gt; = 1500 IU/l"</p>	ISO, CE	ML	200
3	Amylase	<p>"Định lượng nồng độ ALPHA AMYLASE trong huyết thanh, huyết tương để chẩn đoán bệnh viêm tụy cấp trong cận lâm sàng</p> <p>Thành phần:</p> <p>MES buffer : = &lt; 50 mmol/l</p> <p>Calcium Chloride = &lt; 3.81 mmol/l</p> <p>Sodium Chloride: = &lt; 300 mmol/l</p> <p>Potassium Thiocyanate: = &lt; 450 mmol/l</p> <p>Sodium Azide: = &lt; 13.85 mmol/l</p> <p>CNPG: = &lt; 0.91 mmol/l.</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): = &lt; 10.8 đến &gt; = 1500 IU/l"</p>	ISO, CE	ML	180
<b>II. Hoá chất thông thường</b>					
4	Tube EDTA	<p>Dung dịch chất chống đông: EDTA K3 dạng phun sương trên thành ống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lượng chất chống đông: 4mg.</li> <li>- Thể tích lấy máu: 2mL.</li> <li>- Kích thước ống: Đường kính ngoài 13 (<math>\pm</math>2mm); Chiều dài ống 75 (<math>\pm</math>2 mm)</li> <li>- Chất liệu ống: được làm bằng nhựa PP (Polypropylene), chống sốc, trong, tránh va chạm trong quá trình vận chuyển, lấy máu và xét nghiệm.</li> <li>- Đóng gói: hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE.</li> </ul>	ISO, CE	100tube/hộp	2.400

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

5	Tube Heparin	<p>Dung dịch chất chống đông: Lithium Heparin dạng phun sương trên thành ống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lượng chất chống đông: 0.25mg.</li> <li>- Thể tích lấy máu: 2mL.</li> <li>- Kích thước ống: Đường kính ngoài 13 (<math>\pm 2</math>mm); Chiều dài ống 75 (<math>\pm 2</math> mm)</li> <li>- Chất liệu ống: được làm bằng nhựa PP (Polypropylene), chống sốc, trong, tránh va chạm trong quá trình vận chuyển, lấy máu và xét nghiệm.</li> <li>- Nắp ống màu đen: được làm bằng nhựa PP (Polypropylene), chống sốc, trong, tránh va chạm trong quá trình vận chuyển, lấy máu và xét nghiệm.</li> <li>- Đóng gói: hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất.</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn: ISO 12485/CE</p>	ISO,CE	100tube/hộp	2.400
6	Tube Citrat	<p>Dung dịch chất chống đông: Tri-Sodium Citrate 3.2%.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lượng chất chống đông: 0.2mL Tri-Sodium Citrate 3.2%.</li> <li>- Thể tích lấy máu: 1.8mL.</li> <li>- Kích thước ống: Đường kính ngoài 13 (<math>\pm 2</math>mm); Chiều dài ống 75 (<math>\pm 2</math> mm)</li> <li>- Chất liệu ống: được làm bằng nhựa PP (Polypropylene), chống sốc, trong, tránh va chạm trong quá trình vận chuyển, lấy máu và xét nghiệm.</li> <li>- Nắp ống màu xanh lá: được làm bằng nhựa PP (Polypropylene), chống sốc, trong, tránh va chạm trong quá trình vận chuyển, lấy máu và xét nghiệm.</li> <li>- Đóng gói: hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất.</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE</p>	ISO,CE	100tube/hộp	100
7	Quick Test Syphilis	<p>Phát hiện định tính kháng thể kháng vi khuẩn Giang mai trong huyết tương hoặc huyết thanh trong cơ thể con người.</p> <p>Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh.</p> <p>Độ nhạy: 99%. Độ đặc hiệu: 99%</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p> <p>Giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế: SPCD-TTB-304-17</p>	ISO,CE	test	50
<b>Tổng cộng: 07 khoản.</b>					

